TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN PHÚ** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **686**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27-7-2023
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Quang Cảnh

2. Ông Lê Ngọc Thanh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An Thành – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Hồng Dân – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 31/2023/HNST ngày 11 tháng 01 năm 2023 về "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 423/2023/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 572/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Hoài T, sinh năm 1983

2. Bị đơn: Ông Trần Văn C, sinh năm 1981

Cùng địa chỉ : 3 X, phường Y, quận Z, Tp. Hồ Chí Minh.

(bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông C vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06 tháng 12 năm 2022, bản tự khai và tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoài T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hoài T và ông Trần Văn C tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2005 tại Uỷ ban nhân dân xã Xuân Phương, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định theo giấy chứng nhận kết hôn số 18, quyển số 01, ngày 04/02/2005.

Trong thời gian chung sống vợ chồng thường phát sinh nhiều mâu Tẫn, nguyên nhân do tính tình đôi bên không hòa hợp, vợ chồng thiếu sự quan tâm chia sẻ với nhau, cả hai không hòa hợp trong chuyện vợ chồng nên dẫn đến bà bị bệnh trầm cảm, bà T cố gắng hòa giải nhưng không đạt được kết quả. Nay bà đã suy nghĩ kỹ, nhận thấy không thể hàn gắn được tình cảm và không thể chung sống được với nhau nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn C.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Trần Quỳnh N, sinh ngày 06/01/2006 và Trần Minh H, sinh ngày 06/12/2008. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà T xác nhận vợ chồng không có tài sản chung

- Về nghĩa vụ dân sự: Bà T xác nhận vợ chồng không có nợ chung

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Văn C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng ông C không nộp cho Tòa án văn bản ghi nhận ý kiến cũng như vắng mặt tại tất cả các lần triệu tập của Tòa án mà không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và không có yêu cầu giải quyết vắng mặt theo quy định. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoài T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn ông Trần Văn C vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát đã phát biểu ý kiến với nội dung chính như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng về thẩm quyền thụ lý vụ án; xác định quan hệ tranh chấp; xác định tư cách pháp lý; thu thập chứng cứ; thời gian tống đạt văn bản tố tụng cho đương sự; Thời hạn chuẩn bị xét xử; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 13/2005, ngày 04 tháng 02 năm 2005 do Ủy ban nhân dân xã Xuân Phương, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định cấp

xác định quan hệ giữa bà Nguyễn Thị Hoài T và ông Trần Văn C là quan hệ hôn nhân được pháp luật công nhận. Nay bà T yêu cầu ly hôn, ông C cư trú tại quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoài T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm. Bị đơn ông Trần Văn C đã được Tòa án tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định tại các Điều 171; Điều 177, Điều 179; Điều 196, Điều 208, Điều 220; Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng ông C đều vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và không có yêu cầu giải quyết vắng mặt theo quy định. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Tại phiên tòa ông Trần Văn C không có mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết theo quy định pháp luật. Ông Trần Văn C phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Hoài T yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn C.

Căn cứ vào bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà Nguyễn Thị Hoài T và ông Trần Văn C thực tế đã có mâu thuẫn về tính cách, lối sống, hai bên hiện không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau khiến cho tình cảm vợ chồng giữa bà T và ông C ngày càng lạnh nhạt. Mặt khác, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng ông Trần Văn C vẫn không đến Tòa và không có ý kiến bằng văn bản nộp cho Tòa án, tất cả những việc này thể hiện ông C đã không còn thiết tha trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay bà T xác nhận không còn tình cảm với ông C. Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên tắc cơ bản của hôn nhân là tự nguyện, mục đích hôn nhân là " vợ chồng cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc", trong trường hợp này giữa bà T và ông C đã không còn tình cảm, không còn khả năng hàn gắn, mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

[2.2] Về con chung:

Ông Trần Văn C không có văn bản trình bày về việc nuôi con.

Bà T xác nhận vợ chồng có hai con chung tên Trần Quỳnh N, sinh ngày 06/01/2006 và Trần Minh H, sinh ngày 06/12/2008. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con cho ai nuôi phải dựa vào quyền lợi và nguyện vọng của trẻ, yêu cầu nuôi con của bà T là phù hợp với nguyện vọng của hai trẻ, đồng thời hiện nay hai trẻ đang do bà T trực tiếp nuôi dưỡng nên căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: ông C vắng mặt và không trình bày ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Bà T không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ của ông C về việc cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về tài sản chung: Bà T xác nhận vợ chồng không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về nghĩa vụ dân sự khác: Bà T khai không có. Nếu sau này ông C có căn cứ cho rằng hai bên có nợ chung thì sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Hoài T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; khoản 1 Điều 147; Điều 171; Điều 177; Điều 179; Điều 196; Điều 208; Điều 220; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 233; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều Điều 278; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoài T

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hoài T được ly hôn với ông Trần Văn C.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Hoài T và ông Trần Văn C (theo Giấy chứng nhận kết số số 13/2005, ngày 04 tháng 02 năm 2005 do Ủy ban nhân dân xã Xuân Phương, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định cấp) chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- *Về con chung*: Bà Nguyễn Thị Hoài T trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung tên Trần Quỳnh N, sinh ngày 06/01/2006 và Trần Minh H, sinh ngày 06/12/2008. Tạm hoãn nghĩa vụ của ông C về việc cấp dưỡng nuôi con do bà T không yêu cầu.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu tòa án giải quyết.

+ Ông Trần Văn C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ), Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Bà Nguyễn Thị Hoài T xác nhận vợ chồng không có tài sản chung nên không xem xét

- *Về nghĩa vụ khác*: bà Nguyễn Thị Hoài T khai không có nợ chung**.** Nếu sau này ông Trần Văn C có căn cứ cho rằng hai bên có nợ chung thì sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

2. **Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm**:

Bà Nguyễn Thị Hoài T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số 0036996 ngày 11 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. **Về quyền kháng cáo, kháng nghị:**

Bà Nguyễn Thị Hoài T, ông Trần Văn C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6;7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- Các đương sự;
- UBND nơi ĐKKH
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hương Giang